TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2023.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Hoàn**

Ông **Huỳnh Văn Thanh**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Ngọc**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim T,** sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã TL1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 5, xã PA, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh N chung sống với nhau vào năm 2018, có

đăng ký kết hôn ngày 02/8/2018 tại Ủy ban nhân xã PA, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Trong cuộc sống hôn nhân chị và anh N không hợp nhau về tính tình, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 07/4/2019, hiện cháu P đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị anh Trần Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh N không cung cấp ý kiến cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T, xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Thanh N chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2018 tại Ủy ban nhân xã PA, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày: Trong cuộc sống hôn nhân chị và anh N không hợp nhau

về tính tình, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Qua lời trình bày của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống chị T và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Do mâu thuẫn nên chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay.

Anh Trần Thanh N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy anh N không có mong muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau". Thế nhưng giữa chị T và anh N đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không chung sống với nhau đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 07/4/2019, hiện tại cháu P đang sống với chị T. Xét thấy từ lúc chị T và anh N sống ly thân cháu P sống với chị T, được chị T chăm sóc tốt. Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý của cháu P, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Thanh N

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 07/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Trần Thanh Nhân được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0017646 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T, anh Trần Thanh N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Nhơn